TAND TỈNH KIÊN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13/3/2018
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: ***Ông Trần Ngọc Triệu***
Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Phước Lộc – Giám đốc Trung tâm Dân số kế hoạch hóa gia đình huyện Phú Quốc.
2. Ông Lương Công Chủ - Cán bộ hưu trí
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ***Ông Phạm Văn Chung****– Thư ký Toà án huyện Phú Quốc.*
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21/02/2018, về: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 06/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Thúy Ng, sinh năm: 1983
Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 1, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Anh Triệu Thành Tr, sinh năm: 1980
Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 1, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh KG.

3. Con chung: Triệu Thị Như Q, sinh năm 2003 và Triệu Thị Thúy A, sinh năm 1999
Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 1, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh KG.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, con chung vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 11 tháng 12 năm 2017, tại bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Lâm Thị Thúy Ng trình bày:

Chị Ng và anh Tr có tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 và không có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Sau một thời

gian chung sống giữa hai vợ chồng thường xuyện xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau. Từ tháng 01 năm 2017 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân và hiện không còn quay về chung sống với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và xét mục đích hôn nhân không đạt được, chị Ng không còn thương yêu anh Trường nữa nên yêu cầu được chấm dứt hôn nhân với anh Trường.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai người con chung tên Triệu Thị Thúy A, sinh năm 1999 và Triệu Thị Như Q, sinh năm 2003. Khi ly hôn người con chung tên A đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Người con chung tên Q chị Ng đồng ý giao cho anh Tr được nuôi dưỡng người con chung đến tuổi trưởng thành và không cấp dưỡng nuôi con cùng anh Tr.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Triệu Thành Tr trình bày: Về hôn nhân, con chung, tài sản và công nợ, vợ Lâm Thị Thúy Ng trình bày là đúng, anh không có ý kiến gì thêm.

- Con chung cháu Triệu Thị Như Q trình bày ý kiến: Việc cha mẹ ly hôn thì cháu không có ý kiến gì. Về mẫu thuẫn của gia đình dẫn đến ly hôn như trình bày của cha mẹ là đúng. Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với cha là Triệu Thành Tr, cháu không yêu cầu mẹ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lâm Thị Thúy Ng, bị đơn anh Triệu Thành Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật, căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Thúy Ng và anh Triệu Thành Tr tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1999, hai người có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống như vợ chồng là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quá trình chung sống không có hai con chung; về tài sản chung, công nợ chung không có, nay cả hai đều yêu cầu ly hôn. Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lâm Thị Thúy Ng và anh Triệu Thành Tr là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai người con chung tên Triệu Thị Thúy A và Triệu Thị Như Q. Hiện A đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên Q chị Ng đồng ý giao cho anh Trg được nuôi dưỡng người con chung đến tuổi trưởng thành và không cấp dưỡng nuôi con cùng anh Tr, phù hợp nguyện vọng của cháu Q.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lâm Thị Thúy Ng và anh Triệu Thành Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lâm Thị Thúy Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 35; 147; 228; 238; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 14; 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lâm Thị Thúy Ng và anh Triệu Thành Tr là vợ chồng.

2. Về con chung:

a. Giao cháu Triệu Thị Như Q cho anh Triệu Thành Tr chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

b. Chị Lâm Thị Thúy Ng không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Triệu Thành Tr.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Lâm Thị Thúy Ng và anh Triệu Thành Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Chị Lâm Thị Thúy Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng , nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PQ, theo lai thu số 0002857 ngày 12/01/2018, chị Ng không phải nộp thêm.

Anh Triệu Thành Tr không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

***Nơi nhận*:**
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Ngọc Triệu